

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 126/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 15/6/2021

V/v chị H xin ly hôn anh T.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Viên**;

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2021/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Ngọc H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Anh **Bùi Doãn T**, sinh năm 1994;

ĐKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại K1, Trại giam T, thuộc xã T, huyện N, tỉnh T thuộc Cục C10 - Bộ Công an.

Anh T có đơn xin xử vắng mặt. Chị H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2021, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc H trình bày:*

Tôi và anh Bùi Doãn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/2014 tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu khoảng 02 năm. Khi tìm hiểu tôi đang học phổ thông, còn anh T làm thợ hàn tại

quê. Cưới xong vợ chồng tôi về nhà chồng tại thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội chung sống. Cưới xong được 03 tháng tôi sinh con. Khi con tôi được 10 tháng tuổi thì tôi xin làm công nhân tại Công ty M tại huyện L, tỉnh H. Còn anh T làm nghề lái Taxi cho công ty Thạch Thất. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng tháng 3/2018 anh T đã có quan hệ với bé gái chưa đủ tuổi thành niên nên bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt với mức án 08 năm tù giam (từ 9/3/2018 đến 9/3/2026). Việc anh T phạm tội Hiếp dâm trẻ em đã khiến cho tôi tổn thương rất nhiều. Trong suốt thời gian qua tôi suy sụp tinh thần, chỉ nghĩ đến con nên tôi cố gắng duy trì cuộc sống để đi làm kiếm tiền nuôi con. Nhưng đến nay tôi cảm thấy đã rất mệt mỏi và không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi kiên quyết làm đơn xin ly hôn để giải phóng cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trung K, sinh ngày 12/6/2014. Hiện nay cháu K đang ở với tôi. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng muốn nuôi cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không.

**Theo biên bản lấy lời khai và bản tự khai bị đơn anh Bùi Doãn T trình bày:*

Tôi và chị Hà Thị Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 06/3/2014 tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Sau khi về chung sống cho đến năm 2018 vợ chồng tình cảm bình thường, hòa thuận không có mâu thuẫn. Đến ngày 09/3/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi. Đến tháng 10/2018 tôi bị xử phạt tù và đi chấp hành án tại trại giam T. Trong thời gian chấp hành án từ đó cho đến nay chị H không vào thăm tôi, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, tôi xét thấy vợ chồng tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án huyện Q giải quyết cho tôi và chị H được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trung K, sinh ngày 12/6/2014. Hiện nay cháu K đang ở với chị H. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng do hiện nay tôi đang chấp hành án nên không có điều kiện để chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con. Sau này chấp hành xong án phạt tù, tôi đề nghị được thay đổi nuôi con.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và được quyền nuôi con là cháu Bùi Trung K. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- **Về tố tụng:** Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Chị Hà Thị Ngọc H và anh Bùi Doãn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T đã phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, bị xử phạt 08 năm tù và đi chấp hành án tại Phân trại K1, Trại giam T thuộc Cục C10 - Bộ Công an. Chị H thấy hành vi phạm tội của anh T làm chị suy sụp tinh thần và bị tổn thương nên không còn tình cảm với anh T nữa đã làm đơn xin ly hôn anh T. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai người. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xử chị H ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trung K, sinh ngày 12/6/2014. Chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con. Anh T hiện đang bị thụ hình không có điều kiện nuôi con và đóng góp nuôi con nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị H.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]**Về tố tụng:** Anh Bùi Doãn T có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội và đang thụ hình tại trại giam T, huyện N, tỉnh T nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Q.

[2]**Về hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung

sống do anh T không tu dưỡng, rèn luyện đã phạm tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi bị xử phạt 08 năm tù làm chị H suy sụp tinh thần làm tổn thương đến cuộc sống của chị H dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và bị tổn thương nên không còn tình cảm với anh T nữa đã làm đơn xin ly hôn anh T. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai người. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử chị H ly hôn anh T là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trung K, sinh ngày 12/6/2014. Do anh T hiện đang thụ hình không có điều kiện nuôi con. Chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận yêu cầu đó của chị H.

Về tài sản chung, công sức: Hai vợ chồng tự giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không.

Về án phí : Chị Hà Thị Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử : Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị Ngọc H đối với anh Bùi Doãn T.

1. Về hôn nhân:

Xử: Chị Hà Thị Ngọc H ly hôn anh Bùi Doãn T.

2. Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trung K, sinh ngày 12/6/2014. Giao cháu Bùi Trung K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con cho anh Trung cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công sức chung:

Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Chị Hà Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000029 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh